

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 28/02/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

LAW 2201

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 2

Học kì: 1

Lần thi: 2

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)			1	1			(10)				
1	1812719033	Nguyễn Thị Thùy Dung	N18DLK1	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
2	1812719168	Trần Thị Hiền Nhi	N18DLK1	10	5.5	5			5.3	5	5.6	Năm phẩy Sáu	
3	1813719214	Huỳnh Thanh Ry	N18DLK1	10	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
4	1812719222	Võ Huyền Tố Tâm	N18DLK1	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
5	1812719258	Nguyễn Phước Tôn Nữ Thương	N18DLK1	10	5	6			5.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
6	1812719250	Lê Thị Như Thùy	N18DLK1	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
7	1812719272	Huỳnh Huyền Trâm	N18DLK1	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
8	1812719303	Trần Thị Kiều Vân	N18DLK1	8	6	5			5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
9	1812719311	Trương Thị Von	N18DLK1	6	5	5			5.0	5	5.1	Năm phẩy Một	
10	1812719053	Nguyễn Thị Đông	N18DLK2	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
11	1812719249	Nguyễn Thị Thu Thùy	N18DLK2	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
12	1812719012	Hồ Thị Ngọc Ánh	N18DLK3	6	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
13	1813719110	Nguyễn Đức Khôi	N18DLK3	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
14	1812719115	Võ Thị Tương Lai	N18DLK3	10	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
15	1812719184	Thái Hồng Phúc	N18DLK3	5	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
16	1813719186	Lê Hồng Phúc	N18DLK3	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
17	1812719205	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	N18DLK3	10	7	8			7.5	V	0.0	Không	LP
18	1813719242	Cao Phan Quốc Thọ	N18DLK3	10	5	6			5.5	V	0.0	Không	LP
19	1812719252	Võ Thị Ánh Thủy	N18DLK3	10	5	6			5.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
20	1813719266	Mai Đình Toàn	N18DLK3	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
21	1812719273	Nguyễn Thị Bích Trâm	N18DLK3	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
22	1813719050	Phạm Văn Đạt	N18DLK4	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
23	1813719039	Trần Hữu Duy	N18DLK4	6	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
24	1813719108	Nguyễn Hữu Đăng Khoa	N18DLK4	6	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
25	1812719114	Lưu Mỹ Lai	N18DLK4	8	6	5			5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
26	1812719121	Huỳnh Thị Mỹ Linh	N18DLK4	10	6	5			5.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
27	1812719146	Nguyễn Thị Thúy Nga	N18DLK4	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
28	1813719159	Trương Thành Nhân	N18DLK4	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
29	1813719158	Nguyễn Trọng Nhân	N18DLK4	8	6	5			5.5	5	5.5	Năm phẩy Năm	
30	1813719163	Lê Quang Nhật	N18DLK4	10	7	5			6.0	V	0.0	Không	LP
31	1812719170	Trần Phương Quỳnh Nhi	N18DLK4	10	6	5			5.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
32	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên Phú	N18DLK4	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	
33	1812719203	Nguyễn Thị Thu Quý	N18DLK4	10	6	5			5.5	5	5.7	Năm phẩy Bảy	
34	1812719209	Phạm Đoàn Khánh Quỳnh	N18DLK4	10	6	6			6.0	5	5.8	Năm phẩy Tám	
35	1813719216	Nguyễn Thanh Sơn	N18DLK4	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
36	1813719225	Phạm Ngọc Bảo Tân	N18DLK4	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
37	1813719236	Nguyễn Văn Hoàng Thắng	N18DLK4	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
38	1813719241	Trần Bửu Thịnh	N18DLK4	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
39	1813719243	Nguyễn Ngọc Thông	N18DLK4	10	5	5			5.0	5	5.5	Năm phẩy Năm	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TÊN MÔN:

MÃ MÔN:

Ngày thi: 28/02/2013

BẢNG GHI ĐIỂM

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

LAW 2201

Lớp: N18DLK

Tín chỉ: 2

Học kì: 1

Lần thi: 2

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1812719256	Phạm Thị Minh Thúy	N18DLK4	10	6	5			5.5	V	0.0	Không	LP
41	1812719259	Trần Thủy Tiên	N18DLK4	6	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
42	1813719262	Nguyễn Đăng Trung Tín	N18DLK4	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	
43	1812719277	Thân Trọng Nam Trân	N18DLK4	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
44	1813719002	Nguyễn Đình An	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
45	1812719006	Ngô Thị Quỳnh Anh	N18DLK5	10	5	5			5.0	8	7.3	Bảy phẩy Ba	
46	1813719025	Lê Văn Chiến	N18DLK5	8	5	5			5.0	8	7.1	Bảy phẩy Một	
47	1813719027	Bảo Hoàng Chương	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
48	1813719030	Dương Minh Diệu	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
49	1813719626	Nguyễn Đình Hiệp	N18DLK5	8	5	5			5.0	8	7.1	Bảy phẩy Một	
50	1813719089	Trần Thiên Hoàng	N18DLK5	8	5	5			5.0	7	6.5	Sáu phẩy Năm	
51	1812719100	Trần Thị Minh Hương	N18DLK5	8	5	5			5.0	7	6.5	Sáu phẩy Năm	
52	1812719120	Trần Huỳnh Kim Linh	N18DLK5	6	5	5			5.0	5	5.1	Năm phẩy Một	
53	1813719164	Nguyễn Quang Nhật	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
54	1812719254	Nguyễn Thị Thu Thủy(05/	N18DLK5	10	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
55	1813719284	Lê Công Trình	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
56	1813719285	Tạ Thanh Trung	N18DLK5	8	5	5			5.0	8	7.1	Bảy phẩy Một	
57	1813719291	Trần Anh Tuấn	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
58	1813719294	Đặng Lê Thanh Tùng	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
59	1812719298	Phạm Thị Thảo Uyên	N18DLK5	6	6	5			5.5	V	0.0	Không	LP
60	1812719299	Hồ Lê Thị Thảo Uyên	N18DLK5	8	5	5			5.0	6	5.9	Năm phẩy Chín	
61	1813719310	Nguyễn Hữu Vinh	N18DLK5	8	5	5			5.0	8	7.1	Bảy phẩy Một	
62	1813719315	Trần Vương Vũ	N18DLK5	10	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
63	1812719320	Nguyễn Thị Kiều Vy	N18DLK5	8	5	5			5.0	8	7.1	Bảy phẩy Một	
64	1812719321	Trần Thị Hiền Vy	N18DLK5	10	6	6			6.0	8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
65	1812719325	Huỳnh Thị Phương Yến	N18DLK5	8	5	5			5.0	V	0.0	Không	LP
66	1813719105	Nguyễn Phú Khánh	N18DLK2	7	5	5			5.0	5	5.2	Năm phẩy Hai	BS Điểm
67	1813719143	Ngô Tuấn Mỹ	N18DLK5	8	5	5			5.0	5	5.3	Năm phẩy Ba	BS Điểm

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	40	60%	
2	Số sinh viên nợ	27	40%	
TỔNG CỘNG :		67	100%	

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú